TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT
Ngày 24-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phan Thanh Tùng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Do bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST ngày 19-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu phố H Hg, phường An H, thị xã Trảng B, tỉnh Tây N; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Minh T – Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Minh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: khu phố H Hg, phường An H, thị xã Trảng B, tỉnh Tây N; có mặt.

3. *Người kháng cáo*: anh Võ Văn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị H trình bày: chị và anh L tự nguyện sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Trảng B (nay thị xã Trảng B), tỉnh Tây N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với cha, mẹ chị H đến năm 2017 xây nhà ra sống riêng. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh L thường xuyên chửi

mắng, xúc phạm và đánh chị nhiều lần. Vợ chồng đã tự ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay nHg vẫn sống chung nhà. Chị H yêu cầu ly hôn với anh L. Con chung cháu Võ Phạm Tường V, sinh ngày 26-9-2014 và cháu Võ Phạm Đăng K, sinh ngày 20-5-2018 hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh L trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị H về ngày tháng năm chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H sống ích kỹ, chỉ biết đến gia đình chị, không H nhập, không quan tâm đến gia đình anh; trong những lần cải vã nhau, do cách nói chuyện của chị H không tôn trọng anh, trong lúc nóng giận nên anh có đánh chị H. Nay anh L đồng ý ly hôn với chị H. Con chung yêu cầu được nuôi 02 cháu không yêu cầu cấp dưỡng; trường hợp Tòa án giao cho anh được nuôi 01 cháu anh yêu cầu được nuôi cháu K.

Tại Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST ngày 19-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh H và anh Võ Văn L.

2. Về con chung: giao cháu Võ Phạm Tường V, sinh ngày 26-9-2014 và cháu Võ Phạm Đăng K, sinh ngày 20-5-2018 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22-11-2021 anh L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá lại toàn bộ chứng cứ để giao cho anh được quyền chăm sóc nuôi dưỡng một người con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, bởi lẽ: chị H có công việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng và điều kiện để nuôi con; nhà của chị H gần nhà cha, mẹ ruột nên việc chăm sóc tốt hơn anh L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của anh L trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh L thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa chị H và anh L thừa nhận cháu Võ Phạm Tường V, sinh ngày 26-9-2014 và cháu Võ Phạm Đăng K, sinh ngày 20-5-2018 là con chung của anh, chị.

[2.2] Chị H làm kế toán, anh L làm công nhân bảo trì máy móc cho doanh nghiệp nên cả hai người có việc làm và thu nhập ổn định; tài sản chung chị H và anh L thỏa thuận giao cho chị H được sở hữu nên sau khi ly hôn chị H có nhà ở gần nhà cha, mẹ ruột; còn anh L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh và được anh chị ruột bảo lãnh về chỗ ở, tạo điều kiện về mọi mặt để anh L chăm sóc con. Như vậy, xét về điều kiện kinh tế, chỗ ở … giữa chị H và anh L như nhau, cả hai người có đầy đủ khả năng, điều kiện để nuôi con.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H; anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K là chính đáng, hợp pháp. Để bảo đảm quyền lợi của các cháu Hội đồng xét xử giao cho chị H, anh L mỗi người nuôi một người con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là hợp tình, hợp lý.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu V và cháu K cho chị H nuôi là chưa phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L. Do đó nên cần chấp nhận kháng cáo của anh L sửa bản án sơ thẩm.

[2.5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên anh L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Võ Văn L.

2. Sửa một phần bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST ngày 19-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

2.1. Về con chung: giao cháu Võ Phạm Tường V, sinh ngày 26-9-2014 cho chị Phạm Thị Thanh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Phạm Đăng K, sinh ngày 20-5-2018 cho anh Võ Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.2. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ giao cháu Võ Phạm Đăng K, sinh ngày 20-5-2018 cho anh Võ Văn L.

Cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị Thanh H và anh Võ Văn L không yêu cầu giải quyết.

2.3. Anh Võ Văn L và chị Phạm Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: hoàn trả cho anh Võ Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền số 0026308 ngày 22-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng B.

4. Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây N (Phòng KT-NV);
- VKSND tỉnh tây N;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- CC THADS thị xã Trảng B;
- UBND phường An H, TX Trảng B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng